

Bản án số: **452/2024/HS-PT**

Ngày: 23/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 396/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo **Phan Hữu L**, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm về tội “Tàng trữ hàng cấm”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 12/6/2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Hữu L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1967, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: nhà **số A đường N, tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Hữu N** (chết) và bà **Phạm Thị N1**; có vợ là **Lê Thị H** và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/10/2023 đến ngày 06/02/2024 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 25 phút, ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại nhà **số A đường N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Phan Hữu L** đang vận chuyển 1.000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ từ nhà **số F L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** đến thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** phát hiện bắt quả tang.

Tiến hành kiểm tra nơi ở của **L** tại nhà **số A đường N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **L** đã giao nộp 10.000 bao thuốc lá điều các loại do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ mà **L** đang cất giấu trong nhà.

Theo khai báo của **Phan Hữu L**, cơ quan điều tra tiếp tục khám xét khẩn cấp tại nhà **số F đường L**,

thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thu giữ thêm 2.000 bao thuốc lá điều các loại do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ do Phan Hữu L giao nộp.

Quá trình điều tra, Phan Hữu L khai nhận: khoảng tháng 4 năm 2023, L quen một người tên X quê ở Quảng Trị (không xác minh được nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú) tại bãi biển L, người này đề nghị L nhận cất giữ thuốc lá điều nhập lậu cho các chủ hàng ở Quảng Trị chuyển vào để vận chuyển đi nơi khác, tiền công cất giấu là 1.000 đồng/hộp (10 gói), L đồng ý. Hàng ngày, thuốc lá điều nhập lậu được các chủ hàng (L nghe nói tên là H1 và T, không biết nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú của những người này) đựng trong thùng giấy gửi qua xe tải, xe khách và xe bus đến nhà của L tại F L, thị trấn L, huyện P, sau đó L dùng xe mô tô BKS 75K4-3740 chở thuốc lá điều nhập lậu này đến nhà số A đường N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cất giấu cho đến khi có người đến nhận và trả tiền công. Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2023 đến ngày bị phát hiện bắt quả tang, Phan Hữu L đã nhiều lần nhận cất giấu thuốc lá điều nhập lậu do nước ngoài sản xuất có nhiều nhãn hiệu khác nhau, không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, mỗi lần L nhận từ 500 bao (50 hộp) đến 1.000 bao (100 hộp). Do nhiều lần nhận cất giấu và thời gian dài nên L không nhớ được cụ thể số thuốc lá nhập lậu mà mình nhận cất giấu và số tiền thu lợi được là bao nhiêu, chỉ ước lượng thu lợi khoảng 18.000.000 đồng và đã tự nguyện giao nộp số tiền này cho cơ quan điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Hữu L phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 191; các điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Hữu L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/6/2024, bị cáo Phan Hữu L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là quá nghiêm khắc; bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân không có tiền án, tiền sự; ngay sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và toàn bộ tiền hình phạt bổ sung. Ngoài ra, bị cáo còn tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 18.000.000 đồng, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phan Hữu L giữ nguyên nội dung kháng cáo;
- Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2024, bị cáo **Phan Hữu L** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại **số nhà A đường N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và số nhà F L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Phan Hữu L** có hành vi cất giấu cho người khác 13.000 (mười ba nghìn) bao thuốc lá điều các loại do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ nhằm mục đích nhận tiền công.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án **Phan Hữu L** về tội “*Tàng trữ hàng cấm*” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được pháp luật nghiêm cấm hành vi tàng trữ hàng cấm dưới mọi hình thức nhưng vì vụ lợi bị cáo đã tàng trữ 13.000 bao thuốc lá điều các loại do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy, cần có mức hình phạt đủ nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và công tác phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo*”, “*Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm*” quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chủ động nộp án phí hình sự sơ thẩm, một phần tiền phạt bổ sung 2.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật hình sự, chỉ vì hoàn cảnh khó khăn muốn có thêm thu nhập nên phạm tội và tỏ ra vô cùng ăn năn, hối cải; bị cáo xuất trình thêm biên lai đã chấp hành xong hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng theo quyết định của án sơ thẩm, thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành phán quyết của Tòa án. Ngoài ra, bị cáo cũng tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 18.000.000 đồng dù Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải nộp. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc giảm cho bị cáo một phần hình phạt trong trường

hợp cụ thể này vừa thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thật sự biết ăn năn, hối cải nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3]. Về biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra xác định, bị cáo **Phan Hữu L** thu lợi 18.000.000 đồng là tiền công cất giữ thuốc lá cho các đối tượng **T, H1**. Hội đồng xét xử thấy rằng, số tiền 18.000.000 đồng là tiền bị cáo **L** thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền nêu trên không trực tiếp liên quan đến tội phạm và tuyên trả cho bị cáo **L** là chưa phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **L** tự nguyện xin nộp lại toàn bộ số tiền này xung vào ngân sách Nhà nước vì thực tế bị cáo đã nộp từ trước khi xét xử sơ thẩm. Xét nguyện vọng của bị cáo hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này, sửa bản án sơ thẩm sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền 18.000.000 đồng nêu trên.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Phan Hữu L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Phan Hữu L**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần hình phạt đối với bị cáo **Phan Hữu L** và phần xử lý vật chứng.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Hữu L** 02 (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.000.000 đồng (theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 11/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo **Phan Hữu L** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo Phan Hữu Lãm (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Công

